

Thực trạng tổ chức hoạt động học tập cho sinh viên ở Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn

Lê Quang Thanh Thu*

*Học viên Cao học, QLGD khóa 31, Trường Đại học sư phạm – Đại học Huế

Received: 10/8/2024; Accepted: 16/8/2024; Published: 10/9/2024

Abstract: With the role and mission of training quality human resources to meet the needs of local socio-economic development, Nam Sai Gon Polytechnic College always attaches importance to training quality and considers this one of the important factors attracting the attention of learners, parents, and employers; at the same time, it is the most satisfactory answer to the School's commitments to learners and society in recent years.

That raises an urgent need to focus on building and applying measures to manage students' learning activities to improve the quality of education and training of schools.

Keywords: Current situation, learning activities

1. Đặt vấn đề

Trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Đảng ta xác định *con người vừa là mục tiêu vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội*. Để có được thế hệ người Việt Nam mới đáp ứng những yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH trong bối cảnh toàn cầu hóa chúng ta cần phải đổi mới một cách căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo trong đó có hoạt động quản lý giáo dục.

Quản lý hoạt động học tập của SV không chỉ giới hạn trong quản lý giờ học ở trên lớp mà còn gồm cả quản lý việc SV tự tổ chức quá trình học tập của mình thông qua các hoạt động tự học, tự nghiên cứu, học nhóm, tham quan, thực hành, thực tập, làm bài tập, học ở thư viện... Quản lý hoạt động học tập bao hàm quản lý thời gian học tập, chất lượng học tập, tinh thần, thái độ và phương pháp học tập của SV.

Với vai trò, sứ mệnh là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của địa phương, Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn luôn coi trọng chất lượng đào tạo và xem đây là một trong những yếu tố quan trọng thu hút sự quan tâm của người học, phụ huynh, các đơn vị sử dụng lao động; đồng thời, chính là câu trả lời thỏa đáng nhất cho những cam kết của Nhà trường đối với người học và xã hội trong những năm qua.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, quản lý giáo dục, nhất là quản lý hoạt động học tập của SV còn nhiều hạn chế, bất cập, chưa được quan tâm đúng mức và hiệu quả còn thấp. Đó là: Nhận thức về công tác quản lý hoạt động học tập của SV ở một số cấp quản lý, CBQL, GV chưa thực sự đầy đủ; trình độ, năng lực, kinh nghiệm, phương pháp quản lý còn yếu, nặng về

quản lý hành chính.

Điều đó đặt ra yêu cầu bức thiết phải chú trọng việc xây dựng và áp dụng các biện pháp quản lý hoạt động học tập của SV nhằm nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo của nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm Hoạt động học tập của SV

Hoạt động học tập của SV là hoạt động có mục đích, có tính chủ động, tích cực, tự giác cao của SV nhằm chiếm lĩnh tri thức khoa học của một ngành nghề nhất định, hình thành những kỹ năng, kỹ xảo tương ứng, đáp ứng được những yêu cầu của xã hội về sự phát triển con người trong thời kỳ mới.

2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động học tập cho SV ở Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn

2.2.1. Thực trạng tổ chức hoạt động học tập cho SV

Qua khảo sát cho thấy:

ĐTB cao nhất: 4.01 (Theo dõi quá trình thực hiện kế hoạch học tập của SV)

ĐTB thấp nhất: 3.74 (Hướng dẫn kỹ năng lập kế hoạch học tập cho SV)

Điểm trung bình của CBQL và GV cho các yếu tố hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập nằm trong khoảng từ 3.74 đến 4.01, cho thấy họ đánh giá các yếu tố này từ trung bình đến cao về mức độ ảnh hưởng và đóng góp vào việc hỗ trợ SV trong việc lập kế hoạch học tập.

Các yếu tố như “Theo dõi quá trình thực hiện kế hoạch học tập của SV” (4.01) và “CVHT tư vấn đề SV điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp” (3.91) được CBQL và GV đánh giá cao, cho thấy sự quan trọng của việc hỗ trợ và tư vấn đề SV có thể điều chỉnh kế hoạch học tập của mình một cách hiệu quả.

Điểm trung bình của SV cho các yếu tố hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập cũng nằm trong khoảng từ 3.74 đến 4.00, cho thấy họ cũng nhận ra mức độ quan trọng của các yếu tố này đối với quá trình học tập.

SV đánh giá cao các yếu tố như “Phổ biến kế hoạch học tập của Trường, Khoa cho SV” (3.98) và “Theo dõi quá trình thực hiện kế hoạch học tập của SV” (4.00), thể hiện sự cần thiết của việc có sự hướng dẫn và theo dõi từ phía trường và giảng viên để hỗ trợ SV trong việc lập kế hoạch học tập.

Đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng thực hiện công tác hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập có sự thống nhất tương đối cao. Các yếu tố được đánh giá cao nhất là: Theo dõi quá trình thực hiện kế hoạch học tập của SV; CVHT tư vấn để SV điều chỉnh kế hoạch học tập cho phù hợp.

CBQL, GV đánh giá cao yếu tố “Phổ biến kế hoạch học tập của Trường, Khoa cho SV” hơn SV. SV đánh giá cao yếu tố “Hướng dẫn kỹ năng lập kế hoạch học tập cho SV” hơn CBQL và GV. CBQL, GV quan tâm đến việc đảm bảo tất cả SV đều nắm được kế hoạch học tập chung, trong khi SV quan tâm đến việc được hướng dẫn cách thức lập kế hoạch học tập phù hợp với bản thân.

2.2.2. Thực trạng công tác tổ chức hoạt động học tập trên lớp của SV

Qua khảo sát cho thấy:

ĐTB cao nhất: 4.02 (Sắp xếp thời khóa biểu học tập, thi cử cho SV)

ĐTB thấp nhất: 3.61 (Tổ chức các hội nghị, hội thảo về quản lý HĐHT)

Điểm trung bình của CBQL và GV cho các yếu tố tổ chức hoạt động học tập trên lớp của SV nằm trong khoảng từ 3.61 đến 4.02, cho thấy họ đánh giá các yếu tố này từ trung bình đến cao về mức độ lựa chọn và đóng góp vào việc tổ chức hoạt động học tập trên lớp.

Các yếu tố như “Sắp xếp thời khóa biểu học tập, thi cử cho SV” (4.02) và “Hiệu quả của các nội quy, quy chế học tập” (3.88) được CBQL và GV đánh giá cao, cho thấy sự quan trọng của việc tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ quản lý học tập cho SV.

Điểm trung bình của SV cho các yếu tố tổ chức hoạt động học tập trên lớp cũng nằm trong khoảng từ 3.61 đến 3.84, cho thấy họ cũng nhận ra mức độ quan trọng của các yếu tố này đối với việc tổ chức hoạt động học tập trên lớp.

SV đánh giá cao các yếu tố như “Sắp xếp thời khóa biểu học tập, thi cử cho SV” (3.67) và “Hiệu quả của các nội quy, quy chế học tập” (3.86), thể hiện sự cần thiết của việc có sự tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ

quản lý học tập từ phía trường và giảng viên.

Dựa vào số liệu ĐTB, có thể thấy sự khác biệt trong cách đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng thực hiện công tác tổ chức hoạt động học tập trên lớp của SV. Điều này thể hiện sự quan trọng và cần thiết của việc tổ chức và thực hiện các nhiệm vụ quản lý học tập để giúp SV học tập một cách hiệu quả và có kết quả tốt.

Đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng thực hiện công tác tổ chức hoạt động học tập trên lớp của SV có sự thống nhất tương đối cao. Các yếu tố được đánh giá cao nhất là: Sắp xếp thời khóa biểu học tập, thi cử cho SV; Cung cấp thông tin cho SV qua website, bảng thông báo...; Tổ chức bồi dưỡng đội ngũ CBQL, GV, CVHT làm nhiệm vụ quản lý HĐHT của SV.

SV đánh giá cao yếu tố “Tổ chức cho SV đăng ký học phần” hơn CBQL và GV. CBQL, GV đánh giá cao yếu tố “Hiệu quả của các nội quy, quy chế học tập” hơn SV. SV quan tâm đến việc được lựa chọn học phần phù hợp với sở thích và năng lực của bản thân, trong khi CBQL, GV quan tâm đến việc đảm bảo việc thực hiện các quy định trong học tập.

2.2.3. Thực trạng quản lý hoạt động tự học ngoài lớp của SV

Qua khảo sát cho thấy:

ĐTB cao nhất: 4.08 (Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy khả năng tự học của SV)

ĐTB thấp nhất: 3.35 (GV hướng dẫn phương pháp tự học cho SV)

Điểm trung bình của CBQL và GV cho các yếu tố quản lý hoạt động tự học ngoài lớp của SV nằm trong khoảng từ 3.35 đến 4.08, cho thấy họ đánh giá các yếu tố này từ trung bình đến cao về mức độ lựa chọn và đóng góp vào việc quản lý hoạt động tự học ngoài lớp.

Các yếu tố như “Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy khả năng tự học của SV” (4.08) và “GV giao nhiệm vụ tự học cho SV” (3.70) được CBQL và GV đánh giá cao, cho thấy sự quan trọng của việc hướng dẫn và theo dõi hoạt động tự học của SV.

Điểm trung bình của SV cho các yếu tố quản lý hoạt động tự học ngoài lớp cũng nằm trong khoảng từ 3.35 đến 4.08, cho thấy họ cũng nhận ra mức độ quan trọng của các yếu tố này đối với việc tự học ngoài lớp.

SV đánh giá cao các yếu tố như “Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy khả năng tự học của SV” (4.06) và “GV kiểm tra – đánh giá hoạt động tự học của SV” (3.68), thể hiện sự cần thiết của việc có sự hướng dẫn và hỗ trợ từ phía giảng viên trong quá trình tự học.

Đánh giá của CBQL, GV và SV về thực trạng thực hiện quản lý hoạt động tự học ngoài lớp của SV có sự thống nhất tương đối cao. Các yếu tố được đánh giá cao nhất là: GV hướng dẫn phương pháp tự học cho SV; GV giao nhiệm vụ tự học cho SV; GV kiểm tra – đánh giá hoạt động tự học của SV.

CBQL, GV đánh giá cao yếu tố “Chỉ đạo đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát huy khả năng tự học của SV” hơn SV. SV đánh giá cao yếu tố “Giáo dục SV nhận thức đúng về mục đích, ý nghĩa của tự học” hơn CBQL và GV. CBQL, GV quan tâm đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy để khuyến khích SV tự học, trong khi SV quan tâm đến việc được giáo dục về tầm quan trọng của tự học.

2.2.4. Thực trạng triển khai hoạt động phối hợp với Đoàn – Hội để tổ chức hoạt động học tập của SV

Qua khảo sát cho thấy, CBQL, GV và SV cho rằng, trong việc phối hợp với tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội SV, công tác được đánh giá cao nhất là: Giáo dục mục đích, động cơ học tập cho SV. Dựa vào số liệu của các nhóm đánh giá về mức độ thực hiện phối hợp với Đoàn – Hội để tổ chức hoạt động học tập của SV, ta thấy:

Điểm trung bình của CBQL và GV cho các mục đích liên quan đến phối hợp với Đoàn – Hội trong tổ chức hoạt động học tập nằm trong khoảng từ 3.49 đến 4.02, cho thấy họ đánh giá từ trung bình đến cao về mức độ phối hợp này.

Cụ thể, các hoạt động như “Tổ chức phong trào SV nghiên cứu khoa học” (3.99), “Tổ chức các lớp kỹ năng học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho SV” (4.02), và “Tư vấn nghề nghiệp, việc làm cho SV, kết nối với doanh nghiệp trang bị kiến thức thực tiễn cho SV” (3.94) được đánh giá cao, thể hiện sự quan trọng và cần thiết của việc phối hợp này trong việc cung cấp các hoạt động học tập và nghề nghiệp cho SV.

Điểm trung bình của SV cho các mục đích liên quan đến phối hợp với Đoàn – Hội trong tổ chức hoạt động học tập cũng nằm trong khoảng từ 3.55 đến 3.92, cho thấy họ cũng nhận ra mức độ quan trọng của việc này đối với hoạt động học tập của mình.

SV đánh giá cao các hoạt động như “Tổ chức các mô hình sinh hoạt học thuật” (3.55) và “Tổ chức các lớp kỹ năng học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho SV” (3.92), thể hiện mong muốn được tham gia vào các hoạt động học tập và nghề nghiệp do Đoàn – Hội tổ chức.

ĐTB cao nhất: 4.02 (Tổ chức các lớp kỹ năng học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho SV)

ĐTB thấp nhất: 3.49 (Tổ chức các mô hình sinh

hoạt học thuật)

CBQL, GV và SV đánh giá về mức độ thực hiện phối hợp với Đoàn – Hội để tổ chức hoạt động học tập của SV có sự thống nhất tương đối cao. Các yếu tố được đánh giá cao nhất là: Tổ chức các lớp kỹ năng học tập và kỹ năng nghề nghiệp cho SV. Tư vấn nghề nghiệp, việc làm cho SV, kết nối với doanh nghiệp trang bị kiến thức thực tiễn cho SV.

CBQL, GV đánh giá cao yếu tố “Giáo dục mục đích, động cơ học tập cho SV” hơn GV và SV. SV đánh giá cao yếu tố “Tổ chức phong trào SV nghiên cứu khoa học” hơn CBQL và GV. CBQL, GV quan tâm đến việc định hướng tư tưởng cho SV, trong khi SV quan tâm đến việc được tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, hai nội dung công tác “Phối hợp tổ chức phong trào SV nghiên cứu khoa học và tổ chức các lớp kỹ năng học tập, kỹ năng nghề nghiệp cho SV” chưa được CBQL, GV và SV đánh giá cao.

3. Kết luận

Từ những phân tích trên đây cho thấy, ở trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn chưa thật quan tâm đến việc bồi dưỡng các kỹ năng học tập cho SV; cách thức tổ chức các buổi nói chuyện hướng dẫn kỹ năng học tập hiện nay của ở trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn chưa mang lại hiệu quả. Trong thực tế, nhà trường đã tổ chức các khóa học kỹ năng cho SV trong chương trình chính khóa, tuy nhiên, việc theo dõi SV sử dụng các kỹ năng học tập trong quá trình học tập của SV, cũng như việc yêu cầu SV áp dụng các kỹ năng học tập vào thực tiễn thông qua hoạt động giảng dạy của GV chưa được chú trọng. Do đó, kết quả SV áp dụng các kỹ năng học tập vào HĐHT và thực tế còn có nhiều hạn chế.

Tài liệu tham khảo

1. BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Hội nghị Trung ương 8 khóa XI. Hà Nội.
2. Hoàng Anh & Đỗ Thị Châu. (2008). *Tự học của SV*. Quảng Nam: NXB Giáo dục.
3. Trần Thị Hương & Nguyễn Đức Danh. (2014). *Tổ chức hoạt động dạy học Đại học*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Đại học Sư phạm TP. HCM.
4. Trần Kiểm. (2004). *Khoa học quản lý giáo dục – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. TP. Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Thạc và Phạm Thành Nghị. (2008). *Tâm lý học sư phạm Đại học*. NXB. Đại học Sư phạm. Hà Nội.